

SENDER'S NAME AND ADDRESS

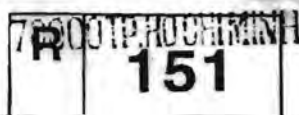
PHAM THI TREN
209/15 BIS BEN VAN DON
F05, Q4, HO CHI MINH CITY
VIET NAM



TV chieu
WP-61



NOTIFIED
2-9-95



FEB 23 1995

23 g
Chieu Hai



TO: KHUC MINH THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205 - 0635
USA

COUNTRY OF DESTINATION

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL
PRISONER IN VIETNAM

IV# 340-957

I BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM:

- 1 - FULL NAME : TRƯỜNG VĂN TIẾN
- 2 - DATE, PLACE OF BIRTH : 15 - 10 - 1936
- 3 - POSITION BEFORE APRIL 1975
 - RANK : ĐẠI UY
 - FUNCTION : ĐẠI UY
 - MILITARY SERIAL NUMBER : 56 / 104 294
- 4 - MONTH, DATE, YEAR ARRESTED : 30/4/1975
- 5 - MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP : 31/5/1975
- 6 - PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE : có
- 7 - PRESENT MAILING ADDRESS : G 33 cũ xã Vĩnh Hội, phường 6 Quận 4
- 8 - CURRENT ADDRESS : - nt - T.P. Hồ Chí Minh, VN

II LIST FULL NAME, DOB, POB, OF EX POLITICAL PRISONER.

1 - RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRIS

	FULL NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP
1	Phạm Thị Trâm	17 - 05 - 1939	Phước Tuy, Cần Đước, Long An	Vợ
2	Trương Thị Hoàng Sơn	19 - 04 - 1963	Đường Nam Đà Nẵng	con
3	Trương Minh Trết	02 - 05 - 1965	Vũng Tàu	con
4	Trương Quốc Vũ	06 - 07 - 1967	Sài Gòn	con
5	Trương Thị Thanh Ngọc	16 - 08 - 1964	Sài Gòn	con
6	Trương Ngọc Sơn	08 - 10 - 1972	Sài Gòn	con
7	Trương Thị Thu Hoa	24 - 12 - 1975	Sài Gòn	con

2 - COMPLETE FAMILY LISTING (Living - Dead)

FATHER : VS Dân
 MOTHER : Trương Thị Bê Hoá chết
 SPOUSE : Phạm Thị Trâm sống
 CHILDREN : Trương Thị Hoàng Sơn sống
 Trương Minh Trết sống
 Trương Quốc Vũ sống
 Trương Thị Thanh Ngọc sống
 Trương Ngọc Sơn sống
 Trương Thị Thu Hoa sống
 SIBLING: chị Trương Thị Hoa chết
 em Trương Văn Huệ chết



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV # _____

VEWL.# _____

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

I-171: ☐ Yes, ☐ No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Pham Thi TAEN
Last Middle First

Current Address G 33 Cu Ka Vinh Hoi, Phuong 6 Quan 4
Date of Birth 17-5-1939 Place of Birth Phuoc Tuy (VN) TPHOCH MINH

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND):

TRUONG VAN Tien (1936)

Previous Occupation (before 1975) Capt. (Telecom - US Trainee)
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 31.8.75 To DEATH DATE: 31.8.75

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared:

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM THI TREN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRUONG THI HUONG LANG	4/19/1963	Daughter
TRUONG MINH TRIET	5/2/1965	Son
TRUONG QUOC VU	7/6/1967	Son
TRUONG THI THANH NGOC	8/16/1969	Daughter
TRUONG NGOC SON	10/8/1972	Son
TRUONG THI THU HA	2/24/1975	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



PHẠM THỊ TRẦN



TRƯỜNG THỊ HƯƠNG LAN



TRƯỜNG MINH TRIẾT



TRƯỜNG GIỚI DŨ



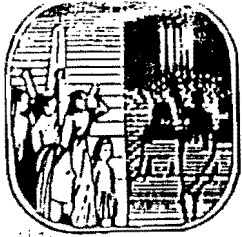
TRƯỜNG THỊ
THANH NGỌC



TRƯỜNG
NGỌC SƠN



TRƯỜNG THỊ
TÁU HÀ



WP-0061

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
HUYỀN VĂN HÈN
HUYỀN KHÁ CHÍ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG
NGUYỄN VĂN GIỚI

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
HUYỀN VĂN HÈN
1st Vice President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
2nd Vice President
TRẦN KIM DUNG
3rd Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer
HUYỀN KHÁ CHÍ
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

NGUYỄN XUÂN LAN

Ngày 15 tháng 10 năm 1987

Kính gửi:

Thưa Ông/Bà,

Hội Gia-Đình-Tự-Nhân-Chính-Trị-Việt-Nam đã nhận được thủ và hồ sơ của Ông/Bà xin đoàn tụ cho thân bằng quyến thuộc. Chúng tôi thành thật cảm ơn Ông/Bà đã tỏ lòng tin tưởng và hưởng ứng hoạt động của Hội trong công tác nhân đạo này để vận động cho thân nhân của chúng ta sớm được đoàn tụ.

Chúng tôi đang xúc tiến việc lập danh sách của gúy thân nhân hiện còn bị giam giữ hay đã được trả tự do cũng với gia đình muốn rời Việt-Nam theo chương trình "Ra đi có trật tự" (ODP) để nộp cho cơ quan có thẩm quyền cứu xét.

Nếu Ông/Bà chưa lập hồ sơ đoàn tụ cho thân nhân, xin hãy điền các mẫu đính kèm gửi về cho Hội, đồng thời chúng tôi cũng đề nghị Ông/Bà tiếp xúc với cơ quan thiện nguyện tại địa phương để lập thủ tục đoàn tụ qua chương trình "Ra đi có trật tự". Trường hợp đã nộp đơn rồi, xin gửi cho Hội một bản sao.

Vì Hội hoạt động có tinh cách tự nguyện, nên xin Ông/Bà vui lòng mỗi khi liên lạc thủ tín với Hội, gửi cho một phong bì có dán tem sẵn để tiện việc phục vụ.

Kính thư,

Chủ tịch

HỒ SƠ TÊN:

PHẠM THỊ TRẦN
TRƯỜNG VĂN TIẾN

() ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KÈM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

TÀI LIỆU CẦN BỔ TÚC:

- () Hồ sơ bảo trợ () IV# , () LOI , () Exit visa , () I-171 , () GIẤY RA TRẠI
- () Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
- () Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
- () Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)
- () Tài liệu liên hệ đến tù nhân (mẫu câu hỏi GDP, Diploma, Certificate (nếu tù nghiệp ở Hoa Kỳ) huy chứng v.v...

CÁC THỦ KHÁC:

** GHI CHÚ:

Tất cả giấy tờ liên hệ với hồ sơ này, phải ghi bên trên góc phải số WP-0061

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM:

- 1 - FULL NAME : TRƯỜNG VĂN TIẾN
- 2 - DATE, PLACE OF BIRTH : 15 - 10 - 1936
- 3 - POSITION BEFORE APRIL 1975
 - RANK : ĐẠI ÚY
 - FUNCTION : ĐẠI ÚY
 - MILITARY SERIAL NUMBER : 56 / 104 294
- 4 - MONTH, DATE, YEAR ARRESTED : 30/4/1975
- 5 - MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP : 31/5/1975
- 6 - PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE : Có
- 7 - PRESENT MAILING ADDRESS : G 33 cũ xã Vĩnh Hội, phường 6 Quận 4
- 8 - CURRENT ADDRESS : -nt- T.P. Hồ Chí Minh, VN

II LIST FULL NAME, DOB, POB, OF EX POLITICAL PRISONER.

1 - RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRIS

	FULL NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATION SHIP
1	Phạm Thị Trâm	17 - 05 - 1939	Phước Tuy, Cần Đước, Long An	Vợ
2	Trường Thị Hoàng Sơn	19 - 04 - 1963	Đường Nonn Đa Năng	con
3	Trường Minh Trết	02 - 05 - 1965	Vũng Tàu	con
4	Trường Quốc Vũ	06 - 07 - 1967	Sơn Gòn	con
5	Trường Thị Thanh Ngọc	16 - 08 - 1969	Sơn Gòn	con
6	Trường Ngọc Sơn	08 - 10 - 1972	Sơn Gòn	con
7	Trường Thị Thu Hoa	24 - 12 - 1975	Sơn Gòn	con

2 - COMPLETE FAMILY LISTING (Living - Dead)

FATHER : Võ Danh
 MOTHER : Trường Thị Khéo chết
 SPOUSE : Phạm Thị Trâm sống
 CHILDREN : Trường Thị Hoàng Sơn sống
 Trường Minh Trết sống
 Trường Quốc Vũ sống
 Trường Thị Thanh Ngọc sống
 Trường Ngọc Sơn sống
 Trường Thị Thu Hoa sống
 SIBLING: chị Trường Thị Hoi chết
 em Trường Văn Phước chết

em Trường Văn Bì, sống.

em Trường Văn Trường sống.

III RELATIVES OUT SIDE VIET NAM : KHÔNG

IV HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR YOUR FAMILY : Không

V ANY COMMENT REMARK : Chúng tôi nguyên là cựu tù nhân QL VN CH, sau biến cố 30-4 chúng tôi bị bắt đi cải tạo, và đã chết trong trại cải tạo. Nay được tin chính sách nhân đạo của Hoa Kỳ cứu vớt những người tị cư ở Hoa Kỳ chiến đấu bảo vệ TỰ DO, mà giờ họ đang bị nòng không kho ở VN, Nay tôi viết đơn này kính xin Bà Hội Trưởng của xét để giúp đỡ cho gia đình chúng tôi "CÔ NHÌ, LƯU PHỤ" được đặt an sàng định cư tại Hoa Kỳ như những gia đình tù nhân QL VN CH khác.

VI PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- 1 - 01 giấy hôn thú
- 2 - 01 bản sao giấy khai tử
- 3 - 01 giấy khai sinh và 01 tấm hình
- 4 - 01 bản sao giấy chứng nhận tình trạng quân sự
- 5 - 05 bản sao giấy tờ có liên quan trong thời giam giữ tại Hoa Kỳ

Saigon ngày 1 - 8 - 1988

PHẠM THÁI TRẦN

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONNER IN VIETNAM

I BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM:

- 1 - FULL NAME : TRƯỜNG VĂN TIẾN
- 2 - DATE, PLACE OF BIRTH : 15 - 10 - 1936
- 3 - POSITION BEFORE APRIL 1975
 - RANK : ĐẠI ÚY
 - FUNCTION : ĐẠI ÚY
 - MILITARY SERIAL NUMBER : 56 / 104 294
- 4 - MONTH, DATE, YEAR ARRESTED : 30/4/1975
- 5 - MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP : 31/8/1975
- 6 - PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE : có
- 7 - PRESENT MAILING ADDRESS : G 33 xã Vĩnh Hội, phường 6 Quận 4
- 8 - CURRENT ADDRESS - nt - T.P. Hồ Chí Minh, VN

II LIST FULL NAME, DOB, POB, OF EX POLITICAL PRISONNER

1 - RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRIS

	FULL NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATION SHIP
1	Phạm Thị Trâm	17 - 05 - 1939	Phước Tuy, Cần Đước, Long An	Vợ
2	Trường Thị Hương Sơn	19 - 04 - 1963	Buồng Nam Đà Nẵng	con
3	Trường Minh Trết	02 - 05 - 1965	Vũng Tàu	con
4	Trường Quốc Vũ	06 - 07 - 1967	Sài Gòn	con
5	Trường Thị Thanh Ngọc	16 - 08 - 1969	Sài Gòn	con
6	Trường Ngọc Sơn	08 - 10 - 1972	Sài Gòn	con
7	Trường Thị Thu Hoa	24 - 12 - 1975	Sài Gòn	con

2 - COMPLETE FAMILY LISTING (Living - Dead)

FATHER : Võ Danh
 MOTHER : Trường Thị Gáho chết
 SPOUSE : Phạm Thị Trâm sống
 CHILDREN : Trường Thị Hương Sơn sống
 Trường Minh Trết sống
 Trường Quốc Vũ sống
 Trường Thị Thanh Ngọc sống
 Trường Ngọc Sơn sống
 Trường Thị Thu Hoa sống
 SIBLING: chị Trường Thị Hoa chết
 em Trường Văn Phước chết

em Trường Văn Bìn sống

em Trường Văn Chương sống

III RELATIVES OUTSIDE VIETNAM : Không

IV HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR YOUR FAMILY : Không

V ANY COMMENT REMARK : Chúng tôi nguyên là cựu sĩ quan QL VN CH, sau biên cô 30-4 chúng tôi bị bắt đi cải tạo, và đã chết trong trại cải tạo. Nay được tìm chính sách nhân đạo của Hoa Kỳ cứu vớt những người đã cùng Hoa Kỳ chiến đấu bảo vệ TỰ DO, mà giờ họ đang bị sống khổ ở VN, Nay tôi viết đơn này kính xin Ban Hội Trường của xét để giúp đỡ cho gia đình chúng tôi "CÔ NHÌ, QUẢ PHỤ" được đặt ăn sống định cư tại Hoa Kỳ như những gia đình sĩ quan QL VN CH khác

VI PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- 1 - 01 giấy hôn thú
- 2 - 01 bản sao giấy khai tử
- 3 - 07 giấy khai sinh và 09 tấm hình
- 4 - 01 bản sao giấy chứng nhận tình trạng quân sự
- 5 - 05 bản sao giấy tờ có liên quan trong thời gian du học tại Hoa Kỳ

Saigon ngày 1 - 8 - 1988

PHẠM THỊ TRÊN

Ghi chú:

- Học tập cải tạo 1975
- Chết trong trại cải tạo 8/31/1975
- Có giấy (Chết tử
- Giấy hộ tịch: ~~đang~~ tử

10/15/88
Đang

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM:

- 1 - FULL NAME : TRƯỜNG VĂN TIẾN
- 2 - DATE, PLACE OF BIRTH : 15 - 10 - 1936
- 3 - POSITION BEFORE APRIL 1975
 - RANK : ĐẠI ÚY
 - FUNCTION : ĐẠI ÚY
 - MILITARY SERIAL NUMBER : 56 / 104 294
- 4 - MONTH, DATE, YEAR ARRESTED : 30/4/1975
- 5 - MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP : 31/5/1975
- 6 - PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE : có
- 7 - PRESENT MAILING ADDRESS : G 33 cũ xã Vĩnh Hội, phường 6 Quận 4
- 8 - CURRENT ADDRESS : - nt - T.P. Hồ Chí Minh, VN

II LIST FULL NAME, DOB, POB, OF EX POLITICAL PRISONER.

1 - RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRIS

	FULL NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP
1	Phạm Thị Trâm	17 - 05 - 1939	Phước Tuy, Lâm Đồng, Long An	Vợ
2	Trương Thị Hương Sơn	19 - 04 - 1963	Quảng Nam Đà Nẵng	con
3	Trương Minh Việt	02 - 05 - 1965	Vũng Tàu	con
4	Trương Quốc Vũ	06 - 07 - 1967	Sài Gòn	con
5	Trương Thị Thanh Ngọc	16 - 08 - 1969	Sài Gòn	con
6	Trương Ngọc Sơn	08 - 10 - 1972	Sài Gòn	con
7	Trương Thị Thu Hoa	24 - 12 - 1975	Sài Gòn	con

2 - COMPLETE FAMILY LISTING (Living - Dead)

FATHER : Võ Danh
 MOTHER : Trương Thị Bébé chết
 SPOUSE : Phạm Thị Trâm sống
 CHILDREN : Trương Thị Hương Sơn sống
 Trương Minh Việt sống
 Trương Quốc Vũ sống
 Trương Thị Thanh Ngọc sống
 Trương Ngọc Sơn sống
 Trương Thị Thu Hoa sống
 SIBLING: chị Trương Thị Hoa chết
 em Trương Văn Chí Huê chết

B.T.L. ĐOÀN 500

Trung đoàn 11

Số : 2-1/BC

GIẤY BẢO CHẾT

Họ và tên : Trương Nậu Liên Năm sinh : 1936

Cấp bậc : Đại úy Số quân : 56/104274

Chức vụ trong quân đội nguy : Trưởng liên lạc Đoàn 11

Con (chồng) của ông, bà : Phạm Thị Tiên Kiểm soát - Địch

Hiện nay ngụ tại : 6/33 Cù Xá Vĩnh Mỹ Sài Gòn

Đã tập trung học tập ngày :

Đã chết ngày : 31-8-1975

Lý do chết : Nổ mìn

Mộ chí đặt tại : phía đông đơn vị

Tư trang, tài sản, di vật kỷ niệm của người chết

đã kiểm kê nộp biên bản ngày 31/8/1975.

Hiện đang giữ ở trung đoàn :

- Biên bản kiểm kê tư vật . 1 bản

- Giám định của hội đồng Y khoa .
(Nếu là ốm chết)

- Sơ đồ mộ chí . 1 bản

Sơ ký Đoàn 11

Ngày 30-8-1975

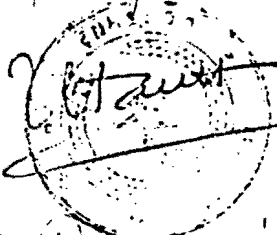
Địa điểm : Phòng Quân Đoàn 11

Ngày 31 tháng 8 năm 1975.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 11

Đã ký.

Thiếu tá: Trần Đức



Thiếu tá: Hoàng Chí Thành

TRAVEL VOUCHER OR SUBVOUCHER (Complete with ink, ball-point pen or typewriter. DO NOT use lead pencil)			BUREAU/COM NO.		SUBVOUCHER NO. 417481	
PAYMENT FOR			PAYMENT DESIRED		PAID BY	
TDY/TAD PER DIEM		TDY/TAD TRAVEL		PCS TRAVEL		CHECK ☐ CASH ☐
TRAVEL ORL PS (Paragraph, S.O. No., Issuing Hq., Date. Include amending orders.) ITO Army VS-117-10(100)Serv, HQUERAC, APO SF96222, 13Oct69						
PRIOR TRAVEL PAYMENTS OR ADVANCES UNDER THESE ORDERS (Amount, DO Vou No., date received, place paid, or DO Station) NONE If none, so state.)						
LAST NAME-FIRST NAME-MIDDLE INITIAL (Soundex Code) (Print/Type) Tien, Truong Van			GRADE/RANK CPT		SERVICE NO. 56/104.294	
CHECK MAILING ADDRESS (Include Zip Code)			DUTY PHONE NO.			
ORGANIZATION AND STATION ALVD, USASCS, FORT MONMOUTH, N.J. 07703						

I. ITINERARY (See Reverse for Definition)										II. FOR DO USE ONLY	
DATE	LOCAL STANDARD TIME (24 Hour Clock)	PLACE (Base, Activity, City and State; City and Country, Etc.)	MODE OF TRAVEL	REASON FOR STOP	GOVT QTS		NUMBER MEALS USED			SPEEDOMETER READING CP MILEAGE	I. COMPUTATIONS
					USED	NOT USED	GOVT	NON-GOVT	CAPICERS DRENT MESS		
23Nov	DEP 1200	Saigon, Vietnam	TP								
23Nov	ARR 2100	Travis AFB, Calif.			X						
24Nov	DEP 1500	Travis AFB, Calif.	GB								
24Nov	ARR 1600	San Fran Intl AP, Calif.									
24Nov	DEP 2200	San Fran AP, Calif.	TP								
25Nov	ARR 0530	JFK Int'l AP, N.Y.									
25Nov	DEP 0700	JFK Int'l AP, N.Y.	TP								
25Nov	ARR 0810	Red Bank AP, N.J.									
25Nov	DEP 0820	Red Bank AP, N.J.	GA								
25Nov	ARR 0830	Fort Monmouth, N.J.		TDY							
14Dec	DEP 2400	Still tdy Ft Mon, NJ									
	ARR										

III. REIMBURSABLE EXPENSES				
DATE	NATURE AND EXPLANATION	AMOUNT CLAIMED	ALLOWED	BAS/COLA ADJ ON WPR

IV. TRANSPORTATION REQUESTS/MEAL TICKETS USED					DD 753		OTD							
NUMBER		FROM		TO		HIWY		CC						
A-7,031,061		Saigon, Vietnam		Travis AFB, Calif.										
P-9,096,420		San Fran Intl AP, Calif.		Red Bank, N.J.										
V. CHARGES-BOQ OR NON-GOVT MEALS AND QTS					VI. LEAVE STATEMENT									
FROM (Date)	TO (Date)	TYPE	RATE	TOTAL PAID	I was authorized _____ days leave. _____ days were taken between _____ and _____ inclusive.									
I hereby claim any amount due me. The statements on face, reverse, and attached are true and complete. Payment or credit has not been received.					SIGNATURE OF CLAIMANT AND DATE Truong Van Tien									
										PER DIEM (Net Payable)		138.00		
										MILEAGE OR TRANSPORTATION ALLOWANCES				
										REIMBURSABLE EXPENSES				
TOTAL AMOUNT DUE					138.00									
LESS PREVIOUS PAYMENTS (Dropage)														
AMOUNT CHARGED TO ACCOUNTING CLASS.					138.00									
LESS VOUCHER DEDUCTIONS														

ACCOUNTING CLASSIFICATION:					138.00				
2102020 80-5006 P2100-214 S92118 (2110.3000) CIC: 200 2020 000 92118 QA#70-NV-2-213									
CE APPROVED BY: AFS AUTHORIZED BY: R DATE: AFS RECEIVED BY (Type signature & date, or checkmark): 6045-3583									
AMOUNT PAID					138.00				

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

DISTRIBUTION: (Continued)

2 Sr Adv AFLS
2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875
Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009
3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755
2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)
10 Comdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703
25 Ea Individ - 100

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

13 October 1969

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS- 117-70 (100) (Service)

Grade; Name; Svc No; Branch; (US Equiv Grade)
Score; Form and Date of 6700 ECL

TO: Trung Uy Truong Van TEK 55/104 2 (113) 1/20Sep69
Trung Uy Vo Van THONG 60/133.634 (112) 8081/1/29Aug69
Trung Uy Do Ngoc CU 60/130 160 (112) 1/20Sep69
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (112) 84/1/27Sep69

<u>9821</u>	<u>NIC</u>	<u>VQ21</u>	<u>B132427</u>	<u>4C-3500/0503</u>	<u>18P</u>
(WCN)	(GC)	(RCN)	(MASL ID)	(CN)	(CS)

1. The individuals listed above, members of the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), are authorized and invited to proceed on or about 23 November 1969 from their present stations to the continental United States arriving at Travis AFB, Calif., for the purpose of attending course indicated below:

a. Course, School, and Location (in order of attendance): Radio Systems Officer, U. Army Signal School, Fort Monmouth, New Jersey.

b. Reporting Date : 25 Nov 69

c. Ending Date : 8 Apr 70

2. The individuals listed herein will report upon arrival in the United States to the Chief Military Traffic Coordinating Office, Allied Liaison Section (Rm 42, Main Terminal Building), Travis AFB, Calif., who will issue a transportation request for travel to Fort Monmouth, New Jersey.

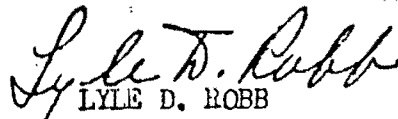
MACAG (13 Oct 69) 1st Ind
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

HEADQUARTERS, UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM,
APO San Francisco 96222, 14 November 1969

TO: Dai Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (CPT)
Trung Uy Vo Van THONG 60/138.639 (1LT)
Trung Uy Do Ngoc CU 60/130.368 (1LT)
Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT)

So much of Basic ITO reads Trung Uy Truong Van TIEN 56/104.294 (1LT) and
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (1LT) IATR Dai Uy Truong Van TIEN
56/104.294 (CPT) and Thieu Uy Nguyen Trong HIEU 62/107.948 (2LT).

FOR THE COMMANDER:


LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

- 2 DA, DCSOPS/IAFMT, Washington, DC 20310
- 2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
- 2 CINCSARPAC, ATTN: CPOP-DT, APO 96558
- 6 CO, USAHAC, ATTN: AVCB-COMP APO 96243
- 2 CG, USA CF&AC, APO 96496
- 2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAX-FSLO, Travis AFB, CA 94535
- 2 CO, MATCO, Travis AFB, CA 94535
- 1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
- 5 MACV Tng Dir (UCN 9321)
- 7 RVNAF CTC
- 2 MACAG-AO
- 2 RVNAF AG/JCS, ATTN: Asgnt Sec
- 1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJ14
- 2 Sr Adv AFIS
- 2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 1875
Connecticut Ave, Rm 921, Washington, DC 20009
- 3 CG, First US Army, Ft George G. Meade, MD 20755
- 2 Chief, J6 Adv Div MACJ6 (TOP)
- 10 Comdt, US Army Signal School, Ft Monmouth, NJ 07703
- 25 Ea Indiv - 100

NG

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN
TỔNG CỤC TIẾT VẬN
CỤC TRUYỀN TIN

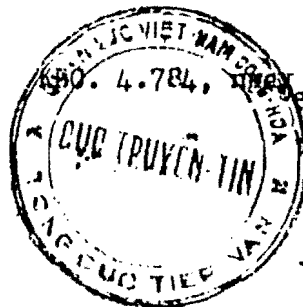
/// 7 LẤY CHỨNG NHẬN TÌNH TRẠNG QUÂN VỤ
-:-:-:-:-

Đại Tá BÙI-TRỌNG-THƯỜNG
Cục Trưởng Cục Truyền Tin
Kiêm Chỉ Huy Trưởng
Binh Chung Truyền Tin Lục Quân

254

/// HÙNG - NHẬN :
-:-:-:-:-

- Cấp bậc - Họ và Tên : Đại Úy TRƯƠNG VĂN TIẾN
- Số quân : 56/104.294
- Ngạch : Trừ bị
- Đơn vị : Cục Truyền Tin
- Thâm niên quân vụ : 13 năm 08 tháng 19 ngày (tính đến ngày 08-10-1974, chỉ tính thời gian thâm niên quân vụ thực sự phục vụ trong Quân Đội)
- Đã mãn hạn khế ước đầu quân và các Cam kết phục vụ sau khóa học trong Quân Đội ngày : KHÔNG



23-8-1974
Trần Quang Thái
Cục Trưởng

[Handwritten signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Tỉnh Long An.

QUẬN: Cần Giuộc

XÃ: Phước Tuy.

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu: 2.

Tên họ người chồng Trương Văn Tiến.

nghề-nghiệp Sĩ quan hưu trí.

sinh ngày 15 tháng 10 năm 1936.

Tên lẫn Tân lẫn.

cur-sở tại Long Hưng.

tạm-trú tại Long Hưng. (ấp chợ).

Tên họ cha chồng Vũ Danh.

Tên họ mẹ chồng Trương Thị Khéo (sống).

Tên họ người vợ Phạm Thị Trâm.

nghề-nghiệp Nữ Tiro.

sinh ngày 17 tháng 5 năm 1939.

tại Phước Tuy.

cur-sở tại Phước Tuy.

tạm-trú tại Long Hưng.

Tên họ cha vợ Phạm Văn Giảng (sống).

Tên họ mẹ vợ Nguyễn Thị Thảng (sống).

— Ngày cưới Ngày 29 tháng 12 năm 1962.

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày tháng năm

tại

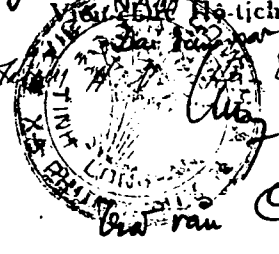
Chứng thực chữ ký tên Trần Văn Lợi
là của Trần Văn Lợi
Giao được ngày 29 tháng 12 năm 1962
QUẬN-TRƯỞNG
Phó Quận-Trưởng



TRẦN-VĂN-LỢI

Trích y bản chính

Phước Tuy, ngày 29 tháng 12 năm 1962.



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Phước Tuy (Chợ Lớn)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1939
(Année)

SỐ HIỆU 72
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Phạm thị Trên
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	17-Mai-1939
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phước Tuy
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phạm văn Gióng
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phước Tuy
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Thắng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phước Tuy
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Chánh

Chúng tôi _____
(Nous)

Chánh-án Toà _____
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp cho tên của _____
(Certifions l'authenticité de la signature de _____)

Ông _____
(M)

Chánh-Lục-Sự Toà-án sở tại.
(Greffier ou Chef du Tribunal).

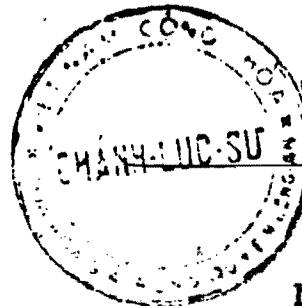
_____ ngày _____ 19____
CHANH - AN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Long-An ngày 9-I-70 19____

TUN CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF

Lục Sự



Nguyễn văn Quang

Giá tiền 15\$
(Coût)

Biên-lai số 297
(Quittance No)

KHAI SANH

30 Hịch 100

NAB Ia Trac-Moi B3-45

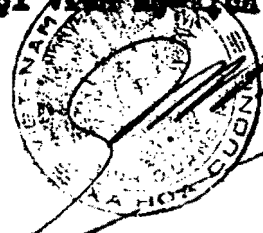
Tên họ đủ nhì	TRUONG-THI-HUONG-LANG
Phái	NỮ
Sinh	Ngày mười chín, tháng tư năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)	trăm sáu mươi ba (19/4/1963)
Tại	Tổng Y Viện Duy-Tân
Cha	Truong-văn-Tiến
(Tên, họ)	Sinh năm 1.936
Tuổi	
Nghề	Bí quân Võ-Tuyên
Cư-trú tại	KBC.4.671
Mẹ	Phạm thị Trâm
(Tên, họ)	Sinh năm 1.939
Tuổi	
Nghề	Nội trợ
Cư-trú tại	Xã Hoà-cường Hoà vang Quảng-Nam
Vợ	Chánh
(Chánh hay thê)	Truong-văn-Tiến
Người khai	
(Tên, họ)	Sinh năm 1.936
Tuổi	
Nghề	Bí quân Võ-Tuyên
Cư-trú tại	Ngày hai mươi hai, tháng tư, năm một ngàn
	chín trăm sáu mươi ba (22/4/1963)
Người chứng thứ nhất	Có giấy chứng nhận
(Tên, họ)	
Tuổi	số 2730 của X-Sĩ Trung-Úy
Nghề	Tên-thất-Cần, Truong trại Sản-khoa
Cư-trú tại	Tổng Y Viện Duy-Tân
Người chứng thứ hai	
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư-trú tại	



LE-PHAI-DIEN

Phật chủ họ của Đại Diện Họ
Lê Văn Tiến
Lê Văn Tiến
Lê Văn Tiến

Nhận theo chỉ ký của
Hội viên Ủy ban Đại diện Xã



Lập tại xã Hoà-cường ngày 22 tháng 4 năm 19 63
Người khai
Truong-văn-Tiến

Nhận bằng
Có giấy chứng nhận

PHUNG TRICH LUC
Hòa-cường ngày 28-6-1963
Hội viên Ủy ban

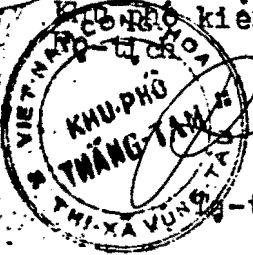
KHAI SANH

Số hiệu: 74

Tên họ ấu nhi: TRUONG-minh-TRI ET
 Phái: Nam
 Sinh: Ngày hai, tháng năm, năm một ngàn chín
trăm sáu mươi lăm, lúc 14 giờ 30'
 (Ngày, tháng, năm)
 Tại: Thăng-Tam
 Cha: TRUONG-van-TIEN
 (Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi chín tuổi
 Nghề-nghiep: Quan-Nhan
 Cư-trú tại: Vũng-Tàu
 Mẹ: Phạm-thị-Trên
 (Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi sáu tuổi
 Nghề-nghiep: Nội-việc Trợ
 Cư-trú tại: Vũng-Tàu
 Vợ: Vợ chánh
 Người khai: Truong-van-Tien
 (Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi chín tuổi
 Nghề-nghiep: Quan-Nhan
 Cư-trú tại: Vũng-Tàu
 Ngày khai: 6-5-1965
 Người chứng thứ nhất: Nguyen-thi-Xi
 (Tên, họ)
 Tuổi: Bon mươi chín tuổi
 Nghề-nghiep: Nu-ho-sinh
 Cư-trú tại: Thăng-Tam
 Người chứng thứ nhì: Nguyen-thi-Cuc
 (Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi sáu tuổi
 Nghề-nghiep: Nu-ho-sinh
 Cư-trú tại: Thăng-tam

Trích y bộ:

Tam, ngày 10/5/65
 Chủ tịch U.B.H.C
 kiêm Ủy viên



-trinh-Kiệt

Nhân-thực chữ ký của
 Ủy-Ban Hành-Chánh Khu-Phổ Thăng-Tam
 ngang đây

Vũng-Tàu ngày 12 tháng 5 năm 1965



Làm tại Thăng-Tam, ngày 6 tháng 5 năm 1965

Người khai,

Hộ-lai,

Nhân chứng,

Ký tên: Tien

Ký tên: Kiệt

Ký tên: Xi, Cuc

NGUYEN-VAN-DANG

DO THAM SAIGON

TOA BANH CHANH QUAN NHI

VIET NAM CONG HOA

HO - T

TRICH - LUC BO KHAT - SAN

Nam mot ngan chin tram SAU MUOI BAY (1967)

Ten, ho dun nho.....	TRUONG QUOC VU
Hai.....	NAH
Ngay sanh.....	Sau thang bay nam mot ngan chin tram sau muoi bay hg35
Noi sanh.....	Saigon 28, Cong quynh
Ten, ho nguoi cha.....	TRUONG VAN TIEN
Tuoi.....	Ba muoi mot
Ngho-nghiep.....	Quan-nhan
Noi cu-ngu.....	Saigon G 33 Ben Van Don
Ten, ho nguoi me.....	PHAM THI TIEN
Tuoi.....	Hai muoi tam
Ngho-nghiep.....	Hoi-tro
Noi cu-ngu.....	Saigon G 33 Ben Van-don
Vo chanh bay thu.....	Vo chanh

TRICH-LUC Y BON CHANH:
Saigon, ngay 27 thang 7 nam 1967

KY. QUAN-TRUONG QUAN NHI
(Ky ten va dong dau)

DUONG HUU XUONG

VIET NAM CONG HOA

QUAN-LUC VIET NAM CONG HOA

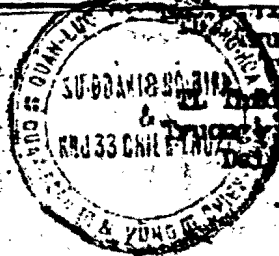
QUAN DOANH

BO THANH MUN SU DOAN IARS & KHU 33 CT

PHONG TRUYEN TIN

So 15643 /SDIR/TH/TT/A

SAO Y BAN CHANH



Ngày 10/7/67
Tham mưu Trưởng

Thiếu tá LUONG VAN DAN

Thượng tá TRUYEN TIN

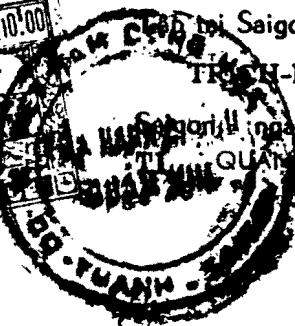
Đại úy TRAM THUY

Số hiệu : 9104/B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)

Tên, họ đứa nhỏ	TRUONG THI THANH NGOC
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười sáu tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín 8 g 15
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên, họ người Cha. . .	TRUONG VAN TIEN
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cư xá Vĩnh Hoi
Tên, họ người mẹ . . .	PHAM THI TREN
Tuổi	Ba mươi
Nghề-nghiệp	Nơi thợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cư xá Vĩnh Hoi
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh



Lấy tại Saigon, ngày 20 tháng 8 năm 19 69

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :

Lấy tại Saigon, ngày 25 tháng 8 năm 19 69

T. QUẢN - TRƯỞNG QUẬN NHI

DƯƠNG-HUYNH

H Ộ - T Í C H

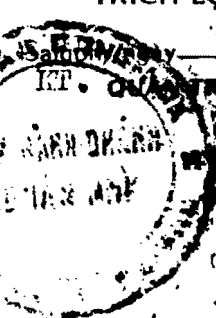
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm Bảy mươi hai (1972)

Tên, họ đứa nhỏ	TRUONG NGOC SON
Phái	Nam
Ngày sanh	Tam tháng mười, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 2 g 40
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong-quynh
Tên, họ người Cha.	TRUONG VAN TIEN
Tuổi	Ba mươi sáu
Nghề-nghiệp.	Quan-Nhan
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cu-Xa Vinh-Hoi
Tên, họ người Mẹ	PHAM THUI TREN
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề-nghiệp	Noi-trơ
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cu-Xa Vinh-Hoi
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 10 tháng 10 năm 19 72

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Lập tại Saigon, ngày 12 tháng 10 năm 19 72

REP. QUÂN TRƯỞNG QUÂN NHỊ

TÊN-THÂN HẠO

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TC/106

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 2

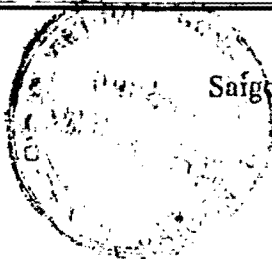
Lập ngày 03 tháng 03 năm 19 75

PHƯỜNG HUYEN SI

Số hiệu: 1843R

Tên họ đứa trẻ. . . .	TRUONG THI THU HA
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Hai mươi bốn tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm 15 giờ
Nơi sanh	Saigon 264 Cong Quynh
Tên họ người cha. . .	TRUONG VAN TIEN
Tên họ người mẹ. . .	PHAM THI TREN
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vo chanh
Tên họ người đứng khai.	Pham Thi Dươì

1843R



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH
Saigon, ngày 15 tháng 03 năm 19 75

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Đang H.



PHẠM THỊ TRẦN



TRƯỜNG THỊ HƯỜNG LAN



TRƯỜNG MINH TRIẾT



TRƯỜNG QUỐC VŨ



TRƯỜNG THỊ THANH NGỌC

TRƯỜNG
NGỌC SƠN



TRƯỜNG THỊ THU HÀ



HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

13 October 1969

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS- 117-70 (100) (Service)

Grade; Name; Svc No; Branch; (US Equiv Grade)
Score; Form and Date of 6700 ECL

TO: Trung Uy Truong Van ~~THAN~~ 55/104 2 (JAN) 60/1/20Sep69
Trung Uy Vo Van THONG 60/132 639 872 (JAN) 60/1/29Aug69
Trung Uy Do Ngoc CU 60/120 638 120 (JAN) 60/1/15Sep69
Trung Uy Nguyen Trong HIEU 62/107 948 511 (JAN) 60/1/27Sep69

9821
(WCN)

N1C
(GC)

VQ21
(RCN)

B132427
(MASL ID)

4C-0500/0503
(CN)

18P
(QS)

1. The individuals listed above, members of the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), are authorized and invited to proceed on or about 23 November 1969 from their present stations to the continental United States arriving at Travis AFB, Calif., for the purpose of attending course indicated below:

a. Course, School, and Location (in order of attendance): Radio Systems Officer, US Army Signal School, Fort Monmouth, New Jersey.

b. Reporting Date : 25 Nov 69

c. Ending Date : 8 Apr 70

2. The individuals listed herein will report upon arrival in the United States to the Chief Military Traffic Coordinating Office, Allied Liaison Section (Rm 42, Main Terminal Building), Travis AFB, Calif., who will issue a transportation request for travel to Fort Monmouth, New Jersey.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

are a detriment to the class as a whole. The Deputy Chief of Staff for Military Operations, Department of the Army, will be informed when such action is contemplated.

10. Individuals named herein are authorized to transport at MAP expense 100 pounds gross weight of personal baggage to the United States and return. Baggage will accompany the trainee. The carrying of any kind of dangerous articles (hand grenades, tear gas grenades, signal kits, etc.), firearms ammunition, explosive or incendiary ammunition or any kind of explosive device in accompanied or unaccompanied personal baggage aboard military aircraft is prohibited. Retainable instructional material will be shipped in accordance with paragraph 6-23, AR 551-50. No personal effects will be shipped with instructional material. Packages should indicate the name and rank of the student and be forwarded to HQ MACV, Training Directorate, APO San Francisco 96222.

11. Requests for leave, upon completion of course, not authorized in paragraph 3 above will be submitted direct by the individual to the Embassy of the Republic of Vietnam Washington DC 20009. Written approval in English from the Embassy to the individual will constitute approval for leave. Living allowance will not be paid for leave periods in excess of 15 days less travel time. Living allowance will not be paid for leave periods outside CONUS.

12. The mailing address of the individuals indicated herein will be in care of the U.S. Army installation to which they are attached.

13. Upon completion of training and prior to departure from your last duty station in the United States, you should be paid all accrued living allowances under these orders. This payment should include living allowance and a mileage allowance, if applicable, to Travis AFB, Calif. In all cases, the finance officer at Travis AFB or your last duty station is responsible for a review of your entitlements to ensure that you have received final and complete settlement, prior to your departure for Vietnam for all travel allowance due on this order.

14. At 0800 hours, the day after your return to Vietnam, you are to report to the Offshore Schools Branch, CTC/JGS, High Command Compound.

15. U.S. Security requirements have been complied with.

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

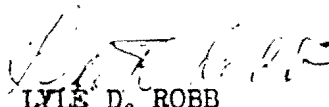
SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

16. No training other than that specified in paragraph 1 above will be conducted on the basis of these orders. The Government of the Republic of Vietnam has authorized the individuals to participate in flights in military aircraft during training. Travel by military aircraft on a space available basis is not authorized.

17. Living allowance authorized while in the United States will be in accordance with paragraph 6-27, AR 551-50. The finance officer effecting disbursement of funds will forward one copy of the executed voucher to the CG USARV, ATTN: USA CF&AO, APO San Francisco 96496. Travel and living allowance expenses authorized are chargeable to: 2102020 80-5006 P2100-214 S92118 (2110.3000) CIC: 200 2020 000 92118 OA#70-MV-2-218.

18. Authority: DA Airmail Msg DCSOPS/IA FMT OPS 816 DTG 141925Z May 1969.

FOR THE COMMANDER:


LYLE D. ROBB
LTC, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

2 DA, DCSOPS/IA FMT, Washington, DC 20310
2 CINCPAC, ATTN: J3A2, FPO 96610
2 CINCUSARPAC, ATTN: GPOP-DT, APO 96558
6 CO, USAHAC, ATTN: AVGB-COMP APO 96243
2 CG, USARV, ATTN: AVHGF-B, APO 96496
6 CO, USA CF&AO, APO 96496
2 CO, 60th Aerial Port Sqdn, ATTN: TPAX-FSLO, Travis AFB, CA 94535
2 CO, MATCO, Travis AFB, CA 94535
1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
5 MACV Tng Dir
7 RVNAF CTC
2 MACAG-AO
2 RVNAF AG/JGS, ATTN: Asgmt Sec
1 AG Adv Br (Pers Mgt), MACJ14

MACAG
LETTER ORDERS
NUMBER 10-816

13 October 1969

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-117-70 (100) (Service)

3. Upon completion of training, the students are authorized 15 days leave in CONUS under the provisions of paragraph 2-23(1), AR 551-50. Upon completion of training/leave they will return to Travis AFB for transport to proper station in Vietnam. Commercial transportation authorized when military transportation is not available.
4. Students are not permitted by their government to purchase an automobile after arrival at their first training installation. Students are authorized by their government to travel by POV while in the U.S.
5. No dependents will accompany students, be transported or maintained at US Government expense.
6. The Government of the United States absolves itself from any blame or financial responsibility for injuries received by the individuals listed herein while in transit or undergoing training and any responsibility for any personal or property damage claim resulting from their actions.
7. If the individuals listed herein encounter any difficulties in arranging transportation after arrival in the CONUS, they will contact the Military Traffic Coordinating Office Allied Liaison, Travis AFB Calif., Telephone: IDlewood 7-2211, Ext 3164.
8. Prior to departure from their present stations the individuals listed herein will be required to be medically examined and found physically acceptable in accordance with the health provisions of the Immigration and Nationality Act (McCarran Act Sec. 212A, 1-7, Public Law 414, 82d Cong.); Foreign Quarantine Regulations of Public Health Service, Department of Health, Education, and Welfare, 42 CFR, part 71; and paragraph 2-2, AR 551-50. The Government of the Republic of Vietnam will provide the individuals concerned with sufficient funds in American dollar instruments to meet all expenses while enroute to, and for the first 15 days at, the school. Adequate uniforms as well as appropriate civilian clothing for off-duty wear should be taken. Winter uniforms are a necessity from October through April and may be desirable at other times, depending on the location of training. United States work (fatigue) uniforms, less distinctive insignia, or ARVN field uniforms, are required for field wear or technical work.
9. The United States will relieve from attendance at school and request the return to Vietnam, students who violate regulations or who otherwise

B.T.L. ĐOÀN 500

Trung đoàn 11

Số : 21/BC

GIẤY BẢO CHẾT

Họ và tên : Trương Nữu Liên Năm sinh : 1936

Cấp bậc : Đại úy Số quân : 56/104294

Chức vụ trong quân đội nguy : Trưởng ban điều hành Viện

Con (chồng) của ông, bà : Phạm Thị Trần Kiểm soát - Diệt

Hiện nay ngụ tại : 6/33 Cù Xá Vĩnh Mỹ Sài Gòn

Đã tập trung học tập ngày :

Đã chết ngày : 31-8-1975

Lý do chết : Nổ mìn đơn

Mộ chí đặt tại : phía đông đơn vị

Tư trang, tài sản, di vật kỷ niệm của người chết
đã kiểm kê nộp biên bản ngày 31/8/1975.

Hiện đang giữ ở trung đoàn :

- Biên bản kiểm kê tư vật . 1 bản

- Giám định của hội đồng Y khoa .
(Nếu là ốm chết)

- Sơ đồ mộ chí . 1 bản

Sơ cấp lệnh chính
ngày 30-7-1976

Ngày 31 tháng 8 năm 1975.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 11

Biên từ : Phòng Quân Huấn

Đã Tẩy

thiếu tá : Trần Đức

thiếu tá : Trần Chí Thành

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THANH NIÊN QUÂN
TỔNG CỤC TIẾP VẬN
CỤC TRUYỀN TIN

Đại Tá BUI-TRONG-THUẬN
Cục Trưởng Cục Truyền Tin
Kiêm Chỉ Huy Trưởng
Binh Chung Truyền Tin Lục Quân

254

- Cấp bậc - Họ và Tên : Đại Úy TRƯƠNG VĂN TIẾN
- Số quân : 56/104.294
- Ngạch : Trừ bị
- Đơn vị : Cục Truyền Tin
- Thâm niên quân vụ : 13 năm 08 tháng 19 ngày (tính đến ngày 08-10-1974, chỉ tính thời gian thâm niên quân vụ thực sự phục vụ trong Quân Đội)
- Đã mãn hạn khế ước đầu quân và các Cam kết phục vụ sau khóa học trong Quân Đội ngày : KHÔNG



23-8-1974

Tà TRAN-QUANG-THAI

Cuc. Fr. 2

There

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Tỉnh Long An.

QUẬN: Cần Giuộc

XÃ: Phú Mỹ.

Số hiệu: 2

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng Trương Văn Tiến

nghề-nghiệp Sĩ quan hưu trí

sinh ngày 15 tháng 10 năm 1936

Tân Lân

cư-sở tại Long Thới

tạm-trú tại Long Thới (Ấp chợ)

Tên họ cha chồng Võ Danh

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Trương Thị Khéo (sống)

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Phạm Thị Trâm

nghề-nghiệp Nữ công nhân

sinh ngày 17 tháng 5 năm 1939

tại Phú Mỹ

cư-sở tại Phú Mỹ

tạm-trú tại Long Thới

Tên họ cha vợ Phạm Văn Giảng (sống)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn Thị Thắm (sống)

(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới Ngày 29 tháng 12 năm 1962

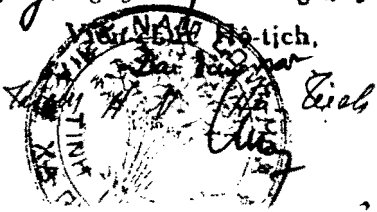
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày tháng năm

tại

Trích y bản chính

Phú Mỹ, ngày 29 tháng 12 năm 1962



TRẦN-VĂN-LỢI

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
(Cour Suprême)

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Phước Tuy (Chợ Lớn)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1939
(Année)

SỐ HIỆU 72
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Phạm thị Trên
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	17-Mai-1939
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phước Tuy
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phạm văn Công
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phước Tuy
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Thắng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phước Tuy
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Chánh

Chúng tôi _____
(Nous)

Chánh-án Toà _____
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ tên của _____
(Certifions l'authenticité de la signature de _____)

Ông _____
(M)

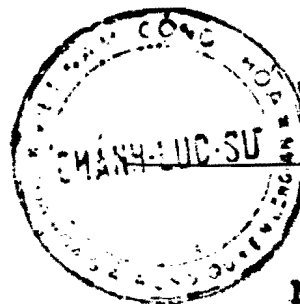
Chánh-lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier et Chef du Tribunal).

_____, ngày _____ 19____
CHANH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Long-An, ngày 9-I-70 19____
TUN CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF

Lục Sự



Nguyễn văn Quang

Giá tiền 15\$

loạt,

in-lai số 297

stance N°.

35 JUL 1967

Nhà in Trắc-mã! Đả-đế!

Tên họ đủ nhĩ _____ TRƯƠNG-THI-HUONG-LANG
Phái _____ Nữ
Sinh _____ Ngày mười chín, tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba (19/4/1963)
(Ngày, tháng, năm)
Tổ _____ Tổng Y Viện Duy-Tâm
Cha _____ Trương-văn-Tiến
(Tên, họ) Sinh năm 1.936
Tuổi _____
Nghề _____ Sĩ quan Vũ-Truyền
Cư-trú tại _____ KDC.4.6YE
Mẹ _____ Phạm thị Tròn
(Tên họ) Sinh năm 1.939
Tuổi _____
Nghề _____ Hộ trợ
Cư-trú tại _____ Xã Hoà-sông Hoà vang Quảng-Nam
Vợ _____ Chính
(Chính hay thợ)
Người khai _____ Trương-văn-Tiến
(Tên, họ) Sinh năm 1.936
Tuổi _____
Nghề _____ Sĩ quan Vũ-Truyền
Cư-trú tại _____ xã mới hai, tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba (22/4/1963)
Người chứng thứ nhất _____ Có giấy chứng nhận
(Tên, họ) số 2730 của X-Sở Trung-Úy
Tuổi _____ Tôn-thất-Cần, Trưởng trại Sản-khoa
Nghề _____ Tổng Y Viện Duy-Tâm
Cư-trú tại _____
Người chứng thứ nhì _____
(Tên, họ)
Tuổi _____
Nghề _____



LỄ - PHẠI - NIỆM

Phật tử Nguyễn Đại Diện Ho.

KHAI SANH

SC H199 190

Nhà in Trắc-vọng 00-4000

Tên họ đủ nhì	TRUONG-THI-HUONG-LANG
Phái	Nữ
Sinh	Ngày mồng chín, tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba (19/4/1963)
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Tổng Y Viện Dục-Tâm
Cha	Trương-văn-Tiến
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1.936
Nghề	Bi quan Võ-Tuyên
Cư-trú tại	KHO.4.67X
Mẹ	Phạm thị Tròn
(Tên họ)	
Tuổi	Sinh năm 1.939
Nghề	Nội trợ
Cư-trú tại	Xã Hoà-cường Hoà vang Quảng-Nam
Vợ	Chánh
(Chánh hay thợ)	
Người khai	Trương-văn-Tiến
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1.936
Nghề	Bi quan Võ-Tuyên
Cư-trú tại	
Ngày	Ngày mồng hai, tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba (22/4/1963)
Người chứng thứ nhất	Cố giấy chứng nhận
(Tên, họ)	
Tuổi	số 2730 của Y-Bí Trưng-ly
Nghề	Tôn-thất-Cần, Trưng trại Sơn-thoa
Cư-trú tại	Tổng Y Viện Dục-Tâm
Người chứng thứ nhì	
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư-trú tại	



LE-PHAI-DIEN

Thiết chủ ký của Đại diện họ
X
Hàng ngày
Đi Trại Hoàng Hoa Thám
Kính - lịch
Ngày 26 tháng 4

Nhận theo chỉ lý của
Đại diện Đại diện

Lập tại xã Hoà-cường ngày 22 tháng 4 năm 19 63

Người khai
Trương-văn-Tiến

Họ lại

Nhận chứng
Cố giấy chứng nhận

PHUNG TRICH LUO

Hoa-cường ngày 22-4-1963

KHAI SANH

Số hiệu: 74

Tên, họ ấu nhi: TRUONG-minh-TRI ET

Phái: Nam

Sinh: Ngày hai, tháng năm, năm một ngàn chín
trăm sáu mươi lăm, lúc 14 giờ 30'
(Ngày, tháng, năm)

Tại: Thăng-Tam

Cha: TRUONG-van-TI EN
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi chín tuổi

Nghề-nghiệp: Quan-Nhan

Cư-trú tại: Vũng-Tàu

Mẹ: Phạm-thị-Trên
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiệp: Nội-tiểu Trố

Cư-trú tại: Vũng-Tàu

Vợ: Vệ chánh

Người khai: Truong-van-Tien
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi chín tuổi

Nghề-nghiệp: Quan-Nhan

Cư-trú tại: Vũng-Tàu

Ngày khai: 6-5-1965

Người chứng thứ nhất: Nguyen-thị-Xi
(Tên, họ)

Tuổi: Bon mươi chín tuổi

Nghề-nghiệp: Nu-ho-sinh

Cư-trú tại: Thăng-Tam

Người chứng thứ nhì: Nguyen-thị-Cuc
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiệp: Nu-ho-sinh

Cư-trú tại: Thăng-tam

Trích y bộ:

Tam, ngày..10/5/65

Ủy Ban Hành Chính U.B.H.C

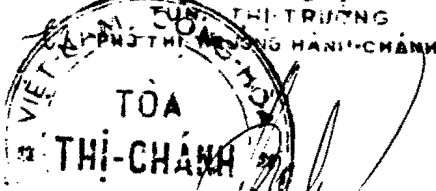
Kiểm tra kiêm Ủy viên



Trình-Kiểm

Nhận-thực chữ ký của
 Ủy-Ban Hành-Chính Khu-Phủ Thăng-Tam
 ngang đây

Vũng-Tàu ngày 12 tháng 5 năm 1965



Làm tại Thăng-Tam, ngày 6 tháng 5 năm 1965

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân chứng,

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Tỉnh Long An.

QUẬN: Cần Giuộc

XÃ: Phước Tuy.

Số hiệu: 2

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THU HÔN-THỦ

Tên họ người chồng Trương Văn Tuấn

nghề-nghiệp Sĩ quan hưu trí

sinh ngày 15 tháng 10 năm 1936

Chứng minh nhân dân số 106617 cấp tại Tân Lân

Gồm được ngày 29 tháng 1 năm 1962

TR. QUẢN-TRƯỞNG
Phó Quản-TRƯỞNG

cur-sở tại Long Thới

tạm-trú tại Long Thới (Ấp chợ)

Tên họ cha chồng Vô danh

Tên họ mẹ chồng Trương Thị Khéo (sống)

Tên họ người vợ Phạm Thị Trâm

nghề-nghiệp Nữ Tiro

sinh ngày 17 tháng 5 năm 1939

tại Phước Tuy

cur-sở tại Phước Tuy

tạm-trú tại Long Thới

Tên họ cha vợ Phạm Văn Giảng (sống)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn Thị Thắm (sống)

— Ngày cưới Ngày 29 tháng 12 năm 1962

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày tháng năm

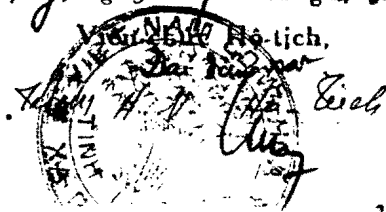
tại



TRẦN-VĂN-LỢI

Trích y bản chính

Phước Tuy, ngày 29 tháng 12 năm 1962



SECRET

1987

2000-0000 00



Đem thùng bầy này một người chôn
trên cửa một bầy lại

Subject: Energy conversion

BRUGEN VAN FISH

THE

SECRET

FROM THE BUREAU

Red wood tree

Notepad

Sedgewick 33 Mrs Van-don

To check

TRICH-LUC Y DIN CHANH
Saigon, ngày 27 tháng 1 năm 1967

KT. QUAN-TRUNG (Khanh Thuan)
(My name is Khanh Thuan)

DOWN THE IVORY

1. THAM VAN TU
 2. THAM VAN TU
 3. THAM VAN TU
 4. THAM VAN TU
 5. THAM VAN TU
 6. THAM VAN TU
 7. THAM VAN TU
 8. THAM VAN TU
 9. THAM VAN TU
 10. THAM VAN TU
 11. THAM VAN TU
 12. THAM VAN TU
 13. THAM VAN TU
 14. THAM VAN TU
 15. THAM VAN TU
 16. THAM VAN TU
 17. THAM VAN TU
 18. THAM VAN TU
 19. THAM VAN TU
 20. THAM VAN TU
 21. THAM VAN TU
 22. THAM VAN TU
 23. THAM VAN TU
 24. THAM VAN TU
 25. THAM VAN TU
 26. THAM VAN TU
 27. THAM VAN TU
 28. THAM VAN TU
 29. THAM VAN TU
 30. THAM VAN TU
 31. THAM VAN TU
 32. THAM VAN TU
 33. THAM VAN TU
 34. THAM VAN TU
 35. THAM VAN TU
 36. THAM VAN TU
 37. THAM VAN TU
 38. THAM VAN TU
 39. THAM VAN TU
 40. THAM VAN TU
 41. THAM VAN TU
 42. THAM VAN TU
 43. THAM VAN TU
 44. THAM VAN TU
 45. THAM VAN TU
 46. THAM VAN TU
 47. THAM VAN TU
 48. THAM VAN TU
 49. THAM VAN TU
 50. THAM VAN TU
 51. THAM VAN TU
 52. THAM VAN TU
 53. THAM VAN TU
 54. THAM VAN TU
 55. THAM VAN TU
 56. THAM VAN TU
 57. THAM VAN TU
 58. THAM VAN TU
 59. THAM VAN TU
 60. THAM VAN TU
 61. THAM VAN TU
 62. THAM VAN TU
 63. THAM VAN TU
 64. THAM VAN TU
 65. THAM VAN TU
 66. THAM VAN TU
 67. THAM VAN TU
 68. THAM VAN TU
 69. THAM VAN TU
 70. THAM VAN TU
 71. THAM VAN TU
 72. THAM VAN TU
 73. THAM VAN TU
 74. THAM VAN TU
 75. THAM VAN TU
 76. THAM VAN TU
 77. THAM VAN TU
 78. THAM VAN TU
 79. THAM VAN TU
 80. THAM VAN TU
 81. THAM VAN TU
 82. THAM VAN TU
 83. THAM VAN TU
 84. THAM VAN TU
 85. THAM VAN TU
 86. THAM VAN TU
 87. THAM VAN TU
 88. THAM VAN TU
 89. THAM VAN TU
 90. THAM VAN TU
 91. THAM VAN TU
 92. THAM VAN TU
 93. THAM VAN TU
 94. THAM VAN TU
 95. THAM VAN TU
 96. THAM VAN TU
 97. THAM VAN TU
 98. THAM VAN TU
 99. THAM VAN TU
 100. THAM VAN TU

NO. 13612

RECEIVED - JRG - NO - REAT - SAN
JAN 10 1967

TRẦN LÂN T BORN CHANH
Saigon, ngày 27 tháng 7 năm 1967
CƠ QUAN CÔNG AN QUÂN ĐỘI
Số 100-100 đường dàu
ĐOÀN HỮU XUÂN

TRAN VAN TU

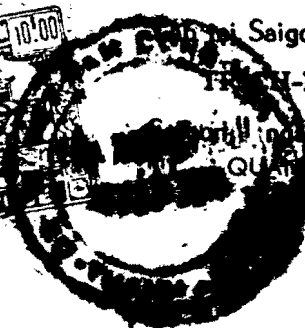
CHAS DOAN III
DO THAM NGUYEN DOAN IIEM & NGUYEN DO
NGUYEN THUYEN TIN
15662/DOAN/TH/TH/1

Số hiệu : 9104/B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn-chín trăm sau mươi chín (1969)

Tên, họ đứa nhỏ	TRUONG THI THANH NGOC
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười sáu tháng tam nam một ngàn chín trăm sáu mươi chín 8 g 15
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên, họ người Cha. . .	TRUONG VAN TIEN
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cư xa Vinh Hoi
Tên, họ người mẹ . . .	PHAM THI TREN
Tuổi	Ba mươi
Nghề-nghiệp	Nơi thợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cư xa Vinh Hoi
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh

Đã khai tại Saigon, ngày 20 tháng 8 năm 19 69

TRÍCH-LỤC BỔN CHÁNH :

Khai tại ngày 25 tháng 8 năm 19 69QUẬN - TRƯỞNG QUẬN NHI

THÀNH SAIGÓN
TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN Nhi

Số hiệu: 117I9A

★

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TC/6h.

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm Bay mươi hai (1972)

Tên, họ đứa nhỏ	TRUONG NGOC SON
Phái	Nam
Ngày sanh	Tam tháng mười, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 2 g 40
Nơi sanh.	Saigon, 284 Cong-Quynh
Tên, họ người Cha.	TRUONG VAN TIEN
Tuổi	Ba mươi, sáu
Nghề-nghiệp.	Quen-Nhan
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cu-Xa Vinh-Hoi
Tên, họ người Mẹ	PHAM THI TIEN
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề-nghiệp	Nơi-trò
Nơi cư-ngụ	Saigon, Cu-Xa Vinh-Hoi
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 10 tháng 10 năm 19 72

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:



Saigon, ngày 12 tháng 10 năm 19 72
KT. QUẢN TRƯỞNG QUẬN NHI

Kai

CHỖ CHỮ CHỮ CHỮ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TC/106

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

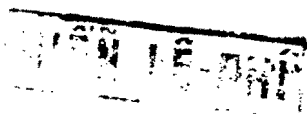
Quận: 2

Lập ngày 03 tháng 03 năm 19 75

PHƯỜNG HUYEN SI

Số hiệu: 1843R

Tên họ đứa trẻ. . . .	TRƯƠNG THỊ THU HA
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Hai mươi bốn tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm 15 giờ
Nơi sanh	Saigon 264 Cong Quynh
Tên họ người cha. . .	TRƯƠNG VĂN TIẾN
Tên họ người mẹ. . .	PHẠM THỊ TRẦN
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai. . .	Phạm Thị Dươì



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH
Saigon, ngày 15 tháng 03 năm 19 75

Viên-Chức Hộ-Tịch,



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 408178 CN

Họ và tên chủ hộ : Phạm Thị Chên

Ấp, ngõ, số nhà : 633 Cư Xá Vĩnh Hòa

Thị trấn, đường phố : Bến Vân Đồn

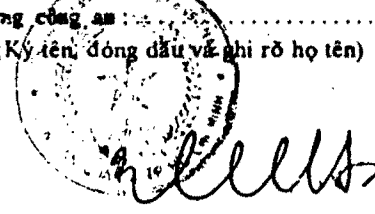
Xã, phường : Tân

Huyện, quận : Q.4

Ngày 10 tháng 03 năm 1986

Trưởng công an

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3 :

Trưởng công an

1990

HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNC
2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phạm Văn Sơn	Chủ hộ	Nữ	1937	020440433	Chưa việc làm	01-10-1976		Hồ gồm
Trương Thị Hương Long	Con	Nữ	1963	020440511	Học sinh	01-10-1976		7 NK (1, 2
Trương Minh Kiệt	Con	Nam	1965	021603212	Học sinh	01-10-1976		3, 4, 5, 6, 7
Trương Quốc Văn	Con	Nam	1964	022140356	Học sinh	01-10-1976		
Trương Thị Thanh Ngọc	Con	Nữ	1969	022140742	Học sinh	01-10-1976		
Trương Ngọc Sơn	Con	Nam	1972	022249554	Học sinh	01-10-1976		
Trương Thị Thu Hiền	Con	Nữ	1975			01-10-1976		

WP 0061

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 408178 CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện, quận:

Ngày 10 tháng 03 năm 1982

Trưởng công an

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3:

1984

[illegible]



WP-0061

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
HUYỀN VĂN HÉN
HUYỀN KHA CHÍ
NGUYỄN THỊ HATIM
NGUYỄN QUỲNH GIANG
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG
NGUYỄN VĂN GIỚI

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
HUYỀN VĂN HÉN
1st Vice President
NGUYỄN QUỲNH GIANG
2nd Vice President
TRẦN KIM DUNG
3rd Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HATIM
Treasurer
HUYỀN KHA CHÍ
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

NGUYỄN XUÂN LAN

Ngày 15 tháng 10 năm 1987

Kính gửi:

Thưa Ông/Bà,

Hội Gia-Đình Tự-Nhân Chính-Trị Việt-Nam đã nhận được thủ và hồ sơ của Ông/Bà xin đoàn tụ cho thân bằng quyến thuộc. Chúng tôi thành thật cảm ơn Ông/Bà đã tỏ lòng tin tưởng và hưởng ứng hoạt động của Hội trong công tác nhân đạo này để vận động cho thân nhân của chúng ta sớm được đoàn tụ.

Chúng tôi đang xúc tiến việc lập danh sách của quý thân nhân hiện còn bị giam giữ hay đã được trả tự do cũng với gia đình muốn rời Việt-Nam theo chương trình "Ra đi có trật tự" (ODP) để nộp cho cơ quan có thẩm quyền cứu xét.

Nếu Ông/Bà chưa lập hồ sơ đoàn tụ cho thân nhân, xin hãy điền các mẫu đính kèm gửi về cho Hội, đồng thời chúng tôi cũng đề nghị Ông/Bà tiếp xúc với cơ quan thiện nguyện tại địa phương để lập thủ tục đoàn tụ qua chương trình "Ra đi có trật tự". Trường hợp đã nộp đơn rồi, xin gửi cho Hội một bản sao.

Vì Hội hoạt động có tính cách từ nguyên, nên xin Ông/Bà vui lòng mỗi khi liên lạc thủ tín với Hội, gửi cho một phong bì có dán tem sẵn để tiện việc phục vụ.

Kính thư,

KHÚC MINH THO
Chủ tịch

HỒ SƠ TÊN:

PHẠM THỊ TREN
TRUONG VAN TIEN

() ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KÈM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- () Hồ sơ bảo trợ () IV# , () LOI , () Exit visa , () I-171 , () GIẤY RA TRAI
- () Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
- () Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
- () Giấy bảo tử (nếu chẹt trong trại học tập)
- () Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi GDP, Diploma, Certificate (nếu từ nghiệp ở Hoa huy chứng v.v...

CÁC THỦ KHÁC:

** GHI CHÚ:

Tất cả giấy tờ liên hệ với hồ sơ này, phải ghi b
trên góc phải số WP-0061

BỘ NỘI VỤ
TỔNG CỤC I.
CỤC HỒ SƠ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-oOo-

WP - 0061

Số: 5954/XN

TP: Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 1994

GIẤY XÁC NHẬN

- Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại Phòng điều tra hình sự quân khu 7
- Xét đơn đề nghị ngày 28/9/94 của ông bà Phạm Thị Trên
địa chỉ: 209/15 B.S. Bến Vân Đồn, Phường 5, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Cục Hồ sơ an ninh Bộ Nội Vụ xác nhận:
Ông, ~~cha~~... TRƯƠNG VĂN TIẾN.....
Sinh ngày..... 1935.....
Nơi sinh..... Long An.....
Cấp bậc, chức vụ trong chế độ cũ... Đại úy.....
...phương tiện điều hành trên thông.....
Tập trung cải tạo từ ngày 23 tháng 6 năm 1975 đến ngày 31
tháng 8 năm 1975 thì chết tại trại cải tạo.
- Nguyên nhân chết: tai nạn lao động... Nhà tù đảo.....
- Lý do học tập cải tạo... Sĩ quan chế độ cũ.....

TƯ LƯU TRƯỞNG CỤC HỒ SƠ AN NINH

TRƯỞNG PHÒNG



Đại úy: Phạm Thị Trên

BỘ NỘI VỤ
TỔNG CỤC I.
CỤC HỒ SƠ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-oOo-

Số: 5954/XN

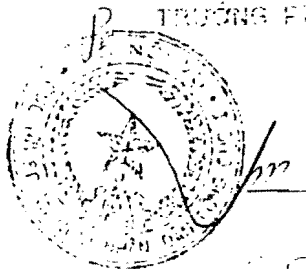
TP: Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 1994

GIẤY XÁC NHẬN

- Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại Phòng điều tra hình sự quân khu 7
- Xét đơn đề nghị ngày 28/9/94 của ông bà. Phạm. Thy. Trên địa chỉ. 209/15 B.S. Bến vãn đông. Phường 5. Quận 4. TP. Hồ Chí Minh
- Cục Hồ sơ an ninh Bộ Nội Vụ xác nhận:
Ông. ~~ĐA~~... TRUONG. VAIN. TIEN.....
Sinh ngày..... 1935.....
Nơi sinh..... Long An.....
Cấp bậc, chức vụ trong chế độ cũ... Đại úy.....
... Phòng. Ban. điều. hành. trên. thống.....
Tập trung cải tạo từ ngày 23 tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 8 năm 1975 thì chết tại trại cải tạo.
- Nguyên nhân chết. tai nạn lao động. Do. tai. nạn.....
- Lý do học tập cải tạo... Sĩ. quan. chế. độ. cũ.....

TU CỤC TRƯỞNG CỤC HỒ SƠ AN NINH

TRƯỞNG PHÒNG



LAU. D. B. T. H. S. S. S.

EMBASSY OF THE UNITED STATES

BANGKOK, THAILAND

IV# 340757 / H34-1000

Date: 06 SEP 1994

Name/VN Address of Principal Applicant:

Applicants not qualified for ODP interview:

PHAM THI TREN

PHAM THI TREN, TRUONG THI HUONG LAI

SONG IS EN VAN DON

TRUONG MINH TRIET, TRUONG GUYE VU

PO5, G04

TRUONG THI THANH NGOC, TRUONG THI THU HO

HO CHI MINH

TRUONG NGOC SON

Dear Sir/Madam:

We regret to inform you that the individual(s) named above are not eligible to attend an interview with the United States Orderly Departure Program (ODP) for the reason indicated below. Applicants who fall into any of the categories listed below are not qualified for an interview even though their names may have appeared on interview lists submitted to the ODP by the Socialist Republic of Vietnam (SRV), or even though ODP may have issued a Letter of Introduction (LOI) to the applicants in the past.

1. ☐ Beneficiaries of non-current immigrant visa petition(s): The preference petition(s) filed on behalf of the individual(s) named above are not yet eligible for visa consideration. These applicants will be reconsidered for interview once the filing date(s) of the petition(s) are current. For more information on visa petition cut-off dates, you may contact the US Department of State's Visa Office at (202) 663-1541.
2. ☐ Applicants whose cases are based solely on an affidavit of relationship (AOR): ODP no longer interviews applicants whose cases are based solely on AORs. Please refer to the enclosed information about filing immigrant visa petitions.
3. ☐ Sons/daughters over the age of twenty-one (and their families): Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parent(s). Only the spouse and minor children of a current preference petition beneficiary are entitled to derivative eligibility. After he/she arrives in the U.S. and adjusts his/her status to Legal Permanent Resident, a parent may file petitions on behalf of his/her unmarried children.
4. ☐ Married sons/daughters (and their families): Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parents; under US immigration law, married offspring are not entitled to derivative eligibility from their parents' immediate relative petitions.
5. ☒ Other: INSUFFICIENT EVIDENCE TO VERIFY YOUR ELIGIBILITY CLAIM UNDER ODP

3. DEFINES

6. ☐ Individuals applying for ODP refugee interviews: These applicants have failed to meet any of the eligibility criteria detailed below and/or present sufficient documentary evidence to support their claim.

Criteria Combinations to Qualify for ODP Refugee Interviews

- At least five years of verified employment by the US government or US private companies.
- At least three years spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to April 1975. Time served as a result of post April 1975 anti-revolutionary activities or boat escapes does not qualify an individual for ODP, nor does time served as a prisoner of war (POW) prior to 1975.
- At least one year of verified employment by the US government or US private companies plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- A verified period of training outside Vietnam under US government auspices plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- The widow(er) and unmarried children of an individual who died in or as a result of internment in a re-education camp due to his/her close association with US policies and programs prior to 1975. Children are eligible only when accompanying their widowed parent.

We regret that more encouraging news is not available at this time.

QUÂN KHU 7
PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 427 /XN

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 1994

GIẤY XÁC NHẬN

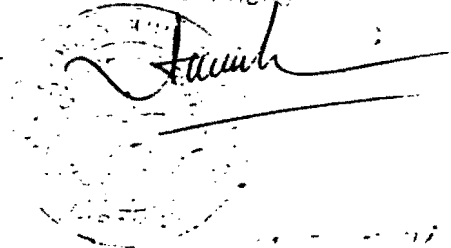
WP.006

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7 XÁC NHẬN :

Ông : TRƯƠNG VAN TIẾN Sinh năm : 1936
Ngày vào lính : 1961 Số quân : 56/ 104.294
Cấp bậc : Đại úy Chức vụ : T.ban điều hành Viễn thông
Đơn vị : Cục Truyền tin .
Quê quán : Long an .
Trú quán : Gia đình ở : 209/15 bis Bến Vân Đồn - Phường 5
Quận 4 - Thành phố Hồ chí Minh .
Là Sĩ quan chế độ cũ có ra trình diện học tập cải tạo tập
trung từ ngày 23/6/1975 đến ngày 31/8/1975
bị tai nạn lao động - nổ lựu đạn chết .Đơn vị
cải tạo : Ell - Đoàn 500 .
Theo quyết định số _____ ngày ký _____
Người ký _____
Thời gian quản chế _____

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



QUÂN KHU 7
PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 427 /XN

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 1994

GIẤY XÁC NHẬN

WP.0062

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7 XÁC NHẬN :

Ông : TRƯƠNG VĂN TIẾN Sinh năm : 1936
Ngày vào lính : 1961 Số quân : 56/ 104.294
Cấp bậc : Đại úy Chức vụ : T.ban điều hành Viện thông
Đơn vị : Cục Truyền tin .
Quê quán : Long an .
Trú quán : Gia đình ở : 209/15 bis Bến Vân Đồn - Phường 5
Quận 4 - Thành phố Hồ chí Minh .
Là Sĩ quan chế độ cũ có ra trình diện học tập cải tạo tập
trung từ ngày 23/6/1975 đến ngày 31/8/1975
bị tai nạn lao động - nổ lựu đạn chết .Đơn vị
cải tạo : Ell - Đoàn 500 .
Theo quyết định số _____ ngày ký _____
Người ký _____
Thời gian quản chế _____

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7

PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG

Trần Văn

EMBASSY OF THE UNITED STATES

BANGKOK, THAILAND

IV# 340357 / H24-1000

Date: 06 SEP 1994

Name/VN Address of Principal Applicant:

Applicants not qualified for ODP interview:

PHAM THI TREN

PHAM THI TREN, TRUONG THI HUONG LAI

SC9115 BIS EN VAN DON

TRUONG MINH TRIET, TRUONG QUOC VU

PO5 G04

TRUONG THI THANH NGOC, TRUONG THI THU HA

HO CHI MINH

TRUONG NGOC SON

Dear Sir/Madam:

We regret to inform you that the individual(s) named above are not eligible to attend an interview with the United States Orderly Departure Program (ODP) for the reason indicated below. Applicants who fall into any of the categories listed below are not qualified for an interview even though their names may have appeared on interview lists submitted to the ODP by the Socialist Republic of Vietnam (SRV), or even though ODP may have issued a Letter of Introduction (LOI) to the applicants in the past.

1. ☐ Beneficiaries of non-current immigrant visa petition(s): The preference petition(s) filed on behalf of the individual(s) named above are not yet eligible for visa consideration. These applicants will be reconsidered for interview once the filing date(s) of the petition(s) are current. For more information on visa petition cut-off dates, you may contact the US Department of State's Visa Office at (202) 663-1541.
2. ☐ Applicants whose cases are based solely on an affidavit of relationship (AOR): ODP no longer interviews applicants whose cases are based solely on AORs. Please refer to the enclosed information about filing immigrant visa petitions.
3. ☐ Sons/daughters over the age of twenty-one (and their families): Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parent(s). Only the spouse and minor children of a current preference petition beneficiary are entitled to derivative eligibility. After he/she arrives in the U.S. and adjusts his/her status to Legal Permanent Resident, a parent may file petitions on behalf of his/her unmarried children.
4. ☐ Married sons/daughters (and their families): Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parents; under US immigration law, married offspring are not entitled to derivative eligibility from their parents' immediate relative petitions.
5. ☒ Other: INSUFFICIENT EVIDENCE TO VERIFY YOUR ELIGIBILITY CLAIM UNDER ODP

GUIDELINES

6. ☐ Individuals applying for ODP refugee interviews: These applicants have failed to meet any of the eligibility criteria detailed below and/or present sufficient documentary evidence to support their claim.

Criteria Combinations to Qualify for ODP Refugee Interviews

- At least five years of verified employment by the US government or US private companies.
- At least three years spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to April 1975. Time served as a result of post April 1975 anti-revolutionary activities or boat escapes does not qualify an individual for ODP, nor does time served as a prisoner of war (POW) prior to 1975.
- At least one year of verified employment by the US government or US private companies plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- A verified period of training outside Vietnam under US government auspices plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- The widow(er) and unmarried children of an individual who died in or as a result of internment in a re-education camp due to his/her close association with US policies and programs prior to 1975. Children are eligible only when accompanying their widowed parent.

We regret that more encouraging news is not available at this time.

Encl: ODP-A, B
Anchor Copy

ODP-4 (5/94)
Deferral

EMBASSY OF THE UNITED STATES

BANGKOK, THAILAND

IV# 540757 / H34-1000

Date: 06 SEP 1994

Name/VN Address of Principal Applicant:

Applicants not qualified for ODP interview:

PHAM THI TREN

PHAM THI TREN, TRUONG THI HUONG LAI

209115 BIS EN VAN DON

TRUONG MINH TRIET, TRUONG QUOC VU

P 05, G 04

TRUONG THI THANH NGOC, TRUONG THI THU HA

HO CHI MINH

TRUONG NGOC SON

Dear Sir/Madam:

We regret to inform you that the individual(s) named above are not eligible to attend an interview with the United States Orderly Departure Program (ODP) for the reason indicated below. Applicants who fall into any of the categories listed below are not qualified for an interview even though their names may have appeared on interview lists submitted to the ODP by the Socialist Republic of Vietnam (SRV), or even though ODP may have issued a Letter of Introduction (LOI) to the applicants in the past.

1. ☐ Beneficiaries of non-current immigrant visa petition(s): The preference petition(s) filed on behalf of the individual(s) named above are not yet eligible for visa consideration. These applicants will be reconsidered for interview once the filing date(s) of the petition(s) are current. For more information on visa petition cut-off dates, you may contact the US Department of State's Visa Office at (202) 663-1541.
2. ☐ Applicants whose cases are based solely on an affidavit of relationship (AOR): ODP no longer interviews applicants whose cases are based solely on AORs. Please refer to the enclosed information about filing immigrant visa petitions.
3. ☐ Sons/daughters over the age of twenty-one (and their families): Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parent(s). Only the spouse and minor children of a current preference petition beneficiary are entitled to derivative eligibility. After he/she arrives in the U.S. and adjusts his/her status to Legal Permanent Resident, a parent may file petitions on behalf of his/her unmarried children.
4. ☐ Married sons/daughters (and their families): Without independent refugee eligibility or current visa petitions, these individuals may not attend an ODP interview with their parents; under US immigration law, married offspring are not entitled to derivative eligibility from their parents' immediate relative petitions.
5. ☒ Other: INSUFFICIENT EVIDENCE TO VERIFY YOUR ELIGIBILITY CLAIM UNDER ODP GUIDELINES

6. ☐ Individuals applying for ODP refugee interviews: These applicants have failed to meet any of the eligibility criteria detailed below and/or present sufficient documentary evidence to support their claim.

Criteria Combinations to Qualify for ODP Refugee Interviews

- At least five years of verified employment by the US government or US private companies.
- At least three years spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to April 1975. Time served as a result of post April 1975 anti-revolutionary activities or boat escapes does not qualify an individual for ODP, nor does time served as a prisoner of war (POW) prior to 1975.
- At least one year of verified employment by the US government or US private companies plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- A verified period of training outside Vietnam under US government auspices plus at least one year spent in a re-education camp as a direct result of close association with US policies and programs prior to 1975.
- The widow(er) and unmarried children of an individual who died in or as a result of internment in a re-education camp due to his/her close association with US policies and programs prior to 1975. Children are eligible only when accompanying their widowed parent.

We regret that more encouraging news is not available at this time.

Encl: ODP-A, B
Anchor Copy

ODP-4 (594)
Deferral